TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 393/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 07 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 328/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Thu N**, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: Số nhà 103, đường Lê Hồng Phong, tổ dân phố 10, phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 27, tổ dân phố 09, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Chí C**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà 04, tổ dân phố 03, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2023;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Thu N và anh Nguyễn Chí C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012 và cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2015 cho chị Bùi Thị Thu N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Chí C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 người con chung cùng chị Bùi Thị Thu N là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)/ 01 tháng/ 01 cháu;

thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2023 trở đi cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo L, sinh ngày 12 tháng 8 năm 2012 và cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày 02 tháng 12 năm 2015 đủ 18 tuổi; phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng. Anh Nguyễn Chí C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Khoản tiền cấp dưỡng trên, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về tài sản chung*: Chị Bùi Thị Thu N và anh Nguyễn Chí C đều xác định hai bên tự thỏa thuận chia cho nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung*: Chị Bùi Thị Thu N và anh Nguyễn Chí C đều xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: + Chị Bùi Thị Thu N tự nguyện nộp toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí trên hệ thống thông tin điện tử số 000000765540, ngày 06 tháng 11 năm 2023, Mã thông báo: 1ONC2IDC8N tên hệ thống thông tin điện tử ký bởi Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000215, ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị Thu N số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Anh Nguyễn Chí C phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường N (nơi đăng ký KH);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Trần Anh Tuấn